**Ôn tập môn Ngữ văn 12**

**Chuyên đề : Bài thơ “*Tây Tiến*’’- Quang Dũng**

**Chuyên đề này giúp các em nắm được những kiến thức cơ bản về bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng và xử lí các dạng đề liên quan.**

* Quang Dũng đã xây dựng thành công tượng đài người lính Tây Tiến vừa bi tráng vừa lãng mạn, vừa hào hùng vừa hào hoa trên nền bức tranh thiên nhiên miền Tây vừa dữ dội, hoang vu, hiểm trở vừa êm đềm, thơ mộng, trữ tình như thế nào?
* Vì sao Tây Tiến được xem là một trong những bài thơ hay nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp nhưng lại có một “số phận” long đong đến như vậy?

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Vài nét về tác giả, tác phẩm**

*a. Tác giả*

+ Quê quán: Đan Phượng, Hà Tây.

+ Nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc > Dấu ấn hội họa và âm nhạc in đậm trong các thi phẩm của Quang Dũng.

+ Phong cách thơ: hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn, tài hoa > hào hoa là chữ nói lên hồn cốt con người cũng như thơ ca Quang Dũng.

*b. Tác phẩm*

+ Hoàn cảnh ra đời:

- Đoàn binh Tây Tiến:

· Thời gian thành lập: đầu năm 1947

· Nhiệm vụ: phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân Pháp ở Thượng Lào và miền tây Nam Bộ của Việt Nam.

· Địa bàn: Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, miền tây Thanh Hóa (Việt Nam), Sầm Nưa (Lào) > địa bàn rộng lớn, hoang vu, hiểm trở, rừng thiêng nước độc.

· Thành phần: phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên, điều kiện chiến đấu gian khổ, thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy họ vẫn sống rất lạc quan, vẫn giữ cốt cách hào hoa, lãng mạn.

· Sau một thời gian hoạt động ở Lào, trở về Hòa Bình thành lập trung đoàn 52.

- Cuối năm 1948: Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Tại Phù Lưu Chanh, tác giả viết bài thơ Nhớ Tây Tiến.

- Nhan đề:

+ Ban đầu Nhớ Tây Tiến > in lại đổi thành Tây Tiến.

+ Ý nghĩa:

§ Đảm bảo tính hàm súc của thơ (Văn hay mạch kị lộ) > cảm xúc chủ đạo chi phối mạch thơ (nối nhớ) được giấu kín.

§ Làm nổi rõ hình tượng trung tâm của tác phẩm: đoàn quân Tây Tiến.

§ Bỏ đi từ Nhớ > vĩnh viễn hóa đoàn quân Tây Tiến - không chỉ là một đoàn binh sống trong nỗi nhớ tha thiết của Quang Dũng mà trở thành một hình tượng bất tử trong thơ.

- Bố cục:

Chia 4 đoạn

+ Đoạn 1 (từ đầu – Mai Châu mùa em thơm nếp xôi): Những cuộc hành quân gian khổ và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.

+ Đoạn 2 (tiếp – Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa): Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

+ Đoạn 3 (tiếp – Sông Mã gầm lên khúc độc hành): Chân dung người lính Tây Tiến.

+ Đoạn 4 (còn lại): Khúc vĩ thanh (Lời thề gắn bó với đoàn quân và miền Tây)

*2. Phân tích văn bản*

*a. Đoạn 1*: Những cuộc hành quân gian khổ và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.

- Hai câu đầu: Khơi mở mạch cảm xúc cho bài thơ

*“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”*

+ Cảm xúc chủ đạo: “Nhớ”

+ Đối tượng nỗi nhớ:

· Nhớ Sông Mã, nhớ “rừng núi”. Sông Mã không thuần túy là một địa danh vô hồn, là tên một dòng sông mà đã trở thành đất mẹ yêu thương, thành cả một miền nhớ đau đáu khôn khuây.

· Nhớ Tây Tiến > nỗi nhớ một đoàn quân đã gắn bó máu thịt với tác giả.

+ Mức độ nhớ: “nhớ chơi vơi” > Nỗi nhớ không xác định, mang màu sắc của vô thức > nỗi nhớ vừa tha thiết, thường trực, vừa mênh mông, ám ảnh.

+Vần “ơi”> hai câu thơ giống như một tiếng gọi - tiếng gọi của nhớ thương vời vợi từ trong vô thức. Nó biến tên một địa danh, một đoàn quân trở thành hai miền nhớ thương, mang linh hồn. Nỗi nhớ làm hiển hiện bao nhiêu hình ảnh tươi đẹp. Là hoài niệm mà sống động như mới hôm qua.

> Hai câu thơ đầu khơi mở mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ. Đến các câu thơ tiếp theo, nỗi nhớ được cụ thể hóa.

- Câu 3 - 4: Hình ảnh đoàn binh hành quân trong đêm

*“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi”*

+ Vừa tả thực: “sương lấp”, “mỏi” > Sương vùng cao như chùm lấp và nuốt chửng đoàn binh > Quang Dũng đã nhìn thấy và miêu tả một mảng hiện thực chiến tranh vẫn bị khuất lấp trong thơ ca kháng chiến. Đằng sau hình ảnh những đoàn quân hùng dũng, hăm hở ra trận là những đoàn quân mỏi mệt.

Con người chứ không phải thánh thần. Có những lúc rệu rã, có những lúc hào sảng phấn chấn. Đằng sau vinh quang chiến thắng còn có cả những đau khổ hi sinh.

Quang Dũng dám nhìn thẳng vào sự thật, dám nhắc tới cái bi bên cạnh cái hùng > Có một thời người ta né tránh “Tây Tiến” cũng bởi điều này.

+ Vừa sử dụng bút pháp lãng mạn: “ hoa về trong đêm hơi” > Gợi không gian huyền ảo > Có thể là hình ảnh những đoàn quân, dẫu mỏi mệt đấy nhưng tâm hồn vẫn trẻ trung tươi tắn, vẫn cầm trên tay những đóa hoa rừng thơm ngát > hé mở vẻ đẹp hào hoa, lạc quan, yêu đời của người lính.

- Bốn câu tiếp: đặc tả hình sông thế núi hiểm trở nhưng cũng không kém phần thơ mộng của miền Tây trên đừờng hành quân của người lính Tây Tiến.

*“Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thứớc xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”*

+ Từ láy: “Khúc khuỷu”, “thăm thẳm”, kết hợp với cách ngắt nhịp 4/3> sự gập ghềnh, ẩn chứa bao bất trắc, hiểm nguy, độ sâu của dốc núi.

+ Hình ảnh “Súng ngửi trời”: vừa đặc tả độ cao chót vót của dốc núi (cao đến mức khi người lính lên tới đỉnh núi thì mũi súng gần như chạm vào trời) vừa thể hiện “chất lính” tinh nghịch qua cách nói nhân hóa (ánh nhìn độc đáo trêu đùa làm giảm nỗi mệt nhọc trên con đường hành quân gian khổ)

+ Phép đối: Ngàn thước lên cao – ngàn thước xuống > hiện hình độ cao, chiều sâu, hình sông thế núi trập trùng, phần nào gợi nhịp thở khó nhọc của người lính trên chặng đường leo dốc.

\* Nhận xét:

· Gợi liên tưởng tới thơ cổ: “Hình khe thế núi gần xa/ Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao” (Chinh phụ ngâm), “Thục đạo chi nan, nan vu thướng thanh thiên” (Đường Thục khó, khó hơn lên trời xanh – Thục đạo nan của Lí Bạch)

· Ba câu thơ giàu màu sắc hội họa vẽ lên bức tranh dốc đèo hoang vu, hiểm trở> đặc tả cái hùng vĩ của thiên nhiên đồng thời gợi hình dung về những cuộc hành quân leo dốc gian khổ.

+ Câu thơ thứ 4 đối lập với ba câu trên: “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”: toàn thanh bằng, âm vần “ơi” kết thúc dòng thơ > câu thơ nhẹ bẫng như nhịp thở thư giãn của người lính- đứng trên đỉnh núi, nhìn ra xa, thấy màn mưa giăng mắc, tạm dừng chân sau chặng đường leo dốc mỏi mệt  để tận cảm cái bình yên, lãng mạn của núi rừng.

Hình ảnh người lính trên đường hành quân được tái hiện cụ thể trên nền thiên nhiên miền Tây đa dạng (vừa dữ dội hoang vu hùng vĩ vừa êm đềm ấm áp thơ mộng): có cái  bi tráng của những cuộc hành quân nhọc mệt vừa có chất trẻ trung yêu đời, nghệ sĩ của tâm hồn những chàng trai tràn trề nhiệt huyết.

- Tám câu tiếp:

*“Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

+ Tiếp tục miêu tả hình ảnh người lính: cách nói giảm nói tránh về cái chết, vừa xót xa vừa ngạo nghễ: “không bước nữa”, “bỏ quên đời” > tiếp tục cảm hứng bi tráng khi xây dựng tượng đài người lính Tây Tiến.

+ Cái hoang vu, hiểm trở của núi rừng đựợc cảm nhận theo chiều thời gian:

· Thời gian: chiều chiều, đêm đêm

· Âm thanh: “thác gầm thét”, hình ảnh: “cọp trêu người”

· Các thanh trắc ở âm vực trầm nhất (thanh nặng) > câu thơ đọc lên trúc trắc, khó nhọc

· Cách sử dụng các từ chỉ địa danh (Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch…): lạ > gợi không  gian hoang vu, rừng thiêng nước độc.

- Kết thúc đột ngột bằng hai câu:

*“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

· Sau chặng đường hành quân vất vả, người lính dừng chân quay quần bên nồi xôi nếp đang bốc khói. .  .

· Hương thơm: nếp xôi > nhớ những cảm giác tinh tế, nhớ những khoảnh khắc ngắn ngủi > Hương thơm dịu ngọt mong manh đi vào nỗi nhớ người lính mà vương vấn mãi không thể phôi pha > Nỗi nhớ đi vào chiều sâu, đau đáu khôn khuây (Liên hệ với “hương cốm mới” trong nỗi nhớ của Nguyễn Đình Thi ở bài “Đất nước”) > chất nghệ sĩ trong tâm hồn người lính Tây Tiến.

· “Mùa em”: kết hợp từ khá lạ, quan hệ từ bị lược bớt > khoảng mơ hồ ngữ nghĩa > tạo không gian huyền mộng, lãng mạn > gợi cảm giác êm dịu, ấm áp > tạo tâm thế cho người đọc cảm nhận đoạn thơ tiếp theo.

*b. Đoạn 2* (tiếp – Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa): Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

- Khái quát: Tráng qua lớp men say của hoài niệm, hình ảnh thiên nhiên và con người miền Tây hiện ra với vẻ đẹp thơ mộng, mĩ lệ, trữ tình.

- Đêm liên hoan văn nghệ:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

+ Không gian: “hội đuốc hoa”> huyền ảo, lung linh, rực rỡ.

+ Âm thanh : “khèn” > vi vu, réo rắt.

+ Nhân vật trung tâm: “em” với xiêm áo lộng lẫy (xiêm áo tự bao giờ) vừa e thẹn, tình tứ (e ấp) vừa duyên dáng trong điệu vu làm đắm say lòng người (man điệu).

+ “Kìa em”: cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say ngây ngất.

Ø Vẻ đẹp lung linh, hoang dại, trữ tình đến mê hoặc.

+ Cảnh sông nước miền Tây:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

+ Không gian: chiều sương, dòng nước > mênh mông, nhòe mờ, ảo mộng.

+ Hình ảnh: “hồn lau”, “dáng người trên độc mộc”, “hoa đong đưa” > những nét vẽ mềm mại, duyên dáng, khác hẳn những nét khắc bạo, khỏe, gân guốc khi đặc tả dốc đèo miền Tây.

\* Nhận xét:

· Thiên nhiên và con người ở đây hòa hợp trong một vẻ đẹp trữ tình, lãng mạn, thơ mộng.

· Tác giả chỉ gợi mà không tả, vận dụng bút pháp của nhạc của họa để dựng cảnh > Đoạn thơ đầy chất nhạc, chất họa > Đúng với trạng thái “chơi vơi” của nỗi nhớ ở đầu bài thơ.

· Đoạn thơ thể hiện rõ chất tài hoa của hồn thơ Quang Dũng.

*c. Đoạn 3* (tiếp – Sông Mã gầm lên khúc độc hành): Chân dung người lính Tây Tiến.

- Khái quát: vẫn tiếp tục mạch cảm hứng về người lính Tây Tiến đã được triển khai lẻ tẻ ở các đoạn trước: vừa lãng mạn vừa bi tráng. Ở 8 câu thơ này, tác giả tập trung khắc tạc một tượng đài người lính trên nền thiên nhiên miền Tây đa dạng.

- Hai câu đầu: Chân dung hiện thực của người lính

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm”*

+ Vừa bi: “không mọc tóc”: vừa để tiện lợi trong việc đánh giáp lá cà, vừa phản ảnh một thực tế - bị rụng tóc vì sốt rét, “quân xanh màu lá”: nước da xanh xao do ăn uống thiếu thốn, sốt rét bệnh tật hành hạ. (Liên hệ: “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh/ Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi” – trong Đồng chí của Chính Hữu, “Giọt giọt mồ hôi rơi/ Trên má anh vàng nghệ” – trong Cá nước của Tố Hữu).

+ Vừa hùng: Tác giả không né tránh hiện thực tàn khốc của chiến tranh đã lưu dấu trên hình dung người lính nhưng qua cái nhìn đậm màu sắc lãng mạn:

· “Đoàn binh” chứ không phải “đoàn quân” > hào hùng.

· “Quân xanh màu lá” vẫn “giữ oai hùm” > oai phong, dữ dằn với tư thế lẫm liệt của chúa tể nơi rừng thiêng.

- Hai câu tiếp: Giấc mộng lãng mạn của người lính

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm”*

+ Tả vẻ lẫm liệt uy phong của người lính, nhà thơ không cố công khắc tạc tượng đài trượng phu khô cứng không tim.

+ Nỗi nhớ trong giấc mơ: Hà Nội, dáng Kiều thơm: đằng sau vẻ ngoài dữ dằn, oai nghiêm là trái tim khao khát yêu thương, đầy chất nghệ sĩ (họ mang dấu trong tim một bóng hình lãng mạn, không phải là “giếng nước gốc đa”, “gian nhà không” như nỗi nhớ của người lính nông dân trong Đồng chí của Chính Hữu)

\* Nhận xét:

· Cảm hứng: có bi nhưng không lụy. Người ta thấy cái gian khổ khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng cảm nhận được vẻ đẹp oai hùng, lãng mạn của người lính.

· Tượng đài người lính Tây Tiến được dựng từ hai nguồn chất liệu nhuần nhuyễn: bi tráng và lãng mạn, hào hùng và hào hoa.

- Bốn câu tiếp: cái chết bi tráng và sự bất tử.

*“Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

+ Tả cái chết nhưng không bi lụy.

+ Hệ thống từ Hán Việt: biên cương, mồ viễn xứ, chiến trường, áo bào, khúc độc hành > không khí trang trọng thiêng liêng.

+ Phủ định từ “chẳng” (so sánh với từ “không”: sắc thái trung tính, liên hệ với cách nói “mặc kệ” trong câu: “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” ở Đồng chí của Chính Hữu)> thái độ kiên quyết hi sinh vì nghĩa lớn.

+ Nói giảm nói tránh “anh về đất”> vợi đi cảm giác đau thương.

+ “Khúc độc hành”: âm thanh át đi cảm xúc bi thương > gợi về sự ra đi của những anh hùng nghĩa sĩ thửa xưa, gợi nhớ dáng hình lẫm liệt của Kinh Kha bên bờ Sông Dịch thủa nào. > đưa tiễn người là khúc độc hành của núi sông > bất tử hóa hình ảnh người lính Tây Tiến

> Nói về cái chết của người lính có đau thương nhưng không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Hai cảm hứng lãng mạn và bi tráng đan cài dựng nên tượng đài bất tử trong thơ.

*d. Đoạn 4 (còn lại):* Khúc vĩ thanh (Lời thề gắn bó với đoàn quân và miền Tây)

*“Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nưa chẳng về xuôi”*

- Khái quát: khép lại bài thơ, nhấn mạnh tinh thần chung của cả bài.

- “Mùa xuân ấy”: thời điểm lịch sử không bao giờ trở lại > mốc nhớ thương vĩnh viễn trong trái tim những người lính Tây Tiến một thời.

- Nhịp thơ: chậm, giọng thơ: buồn.nhưng tinh thần “chẳng về xuôi” vẫn mang  linh hồn hào hùng của cả đoạn thơ.

\* Lời thề vĩnh quyết của người lính, khúc vĩ thanh của bài thơ, lưu giữ mãi dư vang của một thời gian khổ khốc liệt nhưng không kém hào hùng lãng mạn.

*3. Tổng kết*

a) Nghệ thuật:

- Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.

- Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,…

- Kết hợp chất hợp và chất họa.
b) Ý nghĩa văn bản :Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta.
**II. CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

Đề 1: Nêu hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa nhan đề bài thơ ***Tây Tiến*** (Quang Dũng)

Đề 2: Phân tích/ bình giảng đoạn thơ sau

a. *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

*b. Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*

*c. Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

*c. Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

*d. Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.*

(Trích ***‘’Tây Tiến***’’ – Quang Dũng)

Đề 3: Phân tích hình tựợng người lính trong ‘’***Tây Tiến***’’ (Quang Dũng)

Đề 4: Bút pháp của Quang Dũng trong bài thơ “***Tây Tiến***” là bút pháp hiện thực hay lãng mạn? So sánh “***Tây Tiến***” với “***Đồng chí***” (Chính Hữu) để làm rõ.

**Gợi ý giải đề**

**Đề 1:**

+ Phân tích đề:

- Nội dung: hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa nhan đề bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)

- Hình thức: nêu, phân tích ngắn gọn.

+ Hướng dẫn:

Hs dựa vào phần kiến thức cơ bản để làm bài.

- Vị trí văn học sử của bài thơ: tác phẩm tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung, của đời thơ Quang Dũng nói riêng.

- Hoàn cảnh ra đời

· Đoàn binh Tây Tiến.

· Thời gian và không Quang Dũng sáng tác.

- Ý nghĩa nhan đề

· Mô tả

· Ý nghĩa.

**Đề 2:**

+ Phân tích đề:

- Nội dung: một đoạn thơ trích trong Tây Tiến.

- Hình thức: phân tích/ bình giảng.

+ Hướng dẫn:

- Tây Tiến là một bài thơ gần như toàn bích. Bất kì đoạn thơ nào cũng có thể được đưa ra để yêu cầu phân tích hay bình giảng.

- So sánh dạng bài Phân tích và Bình giảng:

· Đều có điểm chung: tôn trọng các qui tắc phân tích tác phẩm (đi từ văn bản và từ hình thức đến nội dung)

· Điểm khác biệt:

o Phân tích: làm rõ tất cả các yếu tố trong đoạn thơ.

o Bình giảng: được chọn phân tích một hay một vài yếu tố mà người viết thấy tâm đắc nhất. Quan trọng là phải nêu được những cảm nhận riêng, mang tính chất cá nhân về tín hiệu nghệ thuật mà mình tâm đắc trong đoạn thơ đó. So sánh là một thao tác hữu hiệu khi bình giảng để thấy được sự tối ưu trong lựa chọn nghệ thuật của tác giả.

- Hs dựa vào phần Kiến thức cơ bản để liên hệ, phân tích, bình giảng từng đoạn thơ.

**Đề 3:**

+ Phân tích đề:

- Nội dung: hình tượng người lính.

- Hình thức: phân tích cụ thể.

+ Hướng dẫn:

- Khái quát:

· Hai cảm hứng chủ đạo: lãng mạn và bi tráng > hình tượng người lính: vừa bi tráng vừa lãng mạn hào hoa.

· Hình tượng người lính được mô tả trên nền thiên nhiên miền Tây dữ dội, hùng vĩ, hoang vu, hiểm trở mà êm đềm, thơ mộng, thi vị, trữ tình.

· Hình ảnh trung tâm của bài thơ, được miêu tả rải rác ở tất cả các đoạn thơ nhưng tập trung trong đoạn 3 (Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc/…/Sông Mã gầm lên khúc độc hành.)

- Phân tích:

Do hai vẻ đẹp bi tráng và lãng mạn, hào hùng và hào hoa đan xen hòa quyện trong từng đoạn nên hs có thể không tách riêng 2 ý mà phân tích theo từng đoạn, tập trung vào 8 câu của đoạn 3 (Phân tích dựa vào phần kiến thức cơ bản).

**Đề 4:**

+ Phân tích đề:

- Nội dung: bút pháp của Quang Dũng trong Tây Tiến.

- Hình thức: phân tích và so sánh.

+ Hướng dẫn:

- Cơ sở của việc lựa chọn bút pháp: bản chất của hồn thơ (phong cách nghệ thuật), đối tượng miêu tả.

- So sánh:

· Chính Hữu:

o Hồn thơ mộc mạc, bình dị.

o Đối tượng hướng tới: những người lính nông dân.

Ø Bút pháp miêu tả: bút pháp hiện thực > khắc họa hình ảnh người lính gắn với cái bình thường, cái hang ngày (ngoại hình in đậm dấu ấn hiện thực khốc liệt của chiến tranh “Áo anh rách vai”, “quần tôi có vài mảnh vá”, “chân không giầy”…; nỗi nhớ và những tâm sự mộc mạc “giếng nước gốc đa”, “ruộng nương”, “gian nhà không”)

· Quang Dũng:

o Hồn thơ hào hoa, lãng mạn.

o Đối tượng miêu tả: lính Tây Tiến phần đông là thanh kiên đất kinh kì, hào hoa và lãng mạn.

Ø Bút pháp lãng mạn: tô đậm hình ảnh người lính ở cái phi thường, cái khác thường (ngoại hình, nỗi nhớ…)